

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 48/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21/01/2025

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Dương Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Sơn Hùng; Ông Lý Khắc Chung.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trương Trọng Tín – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:*
Ông Huỳnh Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 765/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/01/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lâm Thị Bé B**, sinh năm 1991. Địa chỉ cư trú: Tổ A, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Địa chỉ liên hệ hiện nay: ấp Đ, phường N, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Lê Văn Q**, sinh năm 1988. Địa chỉ cư trú: tổ A, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/10/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lâm Thị Bé B trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Lê Văn Q tự nguyện quen nhau, được gia đình hai bên cưới gả, tiến tới hôn nhân vào năm 2012, ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 147/2012, quyển số 01/2012, đăng ký ngày 08/10/2012. Thời gian đầu sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến thời gian sau thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do ông Q thường hay uống rượu sau khi đi làm về, kiếm chuyện vô cớ, mâu thuẫn tiền bạc, chửi mắng và đánh bà nhiều lần, cha mẹ hai bên có biết và khuyên ngăn nhưng ông Q vẫn không sửa đổi. Cách nay 02 năm, ông bà đã lên B, Đồng Nai làm thuê kiếm sống, nhưng vẫn thường hay cãi vã với nhau,

không có tiếng nói chung. Vì thương các con nên bà chịu đựng sống chung với ông Q, nay nhận thấy cuộc sống hôn nhân mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng dần nhạt phai, không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Q.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) người con chung tên Lê Hoàng Phi Q1, sinh ngày 05/11/2013 và Lê Hoàng Tấn P, sinh ngày 18/5/2016. Hiện hai con chung đang sống cùng với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, tôi không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn Q trình bày: Ông và bà Lâm Thị B1 Ba tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và kết hôn với nhau, hai bên có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M như bà Bé B trình bày. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm về tiền bạc, chi tiêu trong gia đình, từ đó vợ chồng thường hay cự cãi với nhau. Nay bà B1 Ba khởi kiện ly hôn, ông nhận thấy không còn tình cảm với bà B, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn được nên ông đồng ý ly hôn với bà Bé B.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Lê Hoàng Phi Q1, sinh ngày 05/11/2013 và Lê Hoàng Tấn P, sinh ngày 18/5/2016. Hiện hai con đang sống cùng với bà Bé B. Khi ly hôn, ông đồng ý để bà B1 Ba được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, ông không cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không tiến hành hòa giải được do ông Q vắng mặt. Đồng thời Tòa án ghi nhận ý kiến, nguyện vọng của cháu Lê Hoàng Phi Q1 và cháu Lê Hoàng Tấn P về việc các cháu có nguyện vọng sống cùng mẹ là bà Bé B khi ông bà ly hôn.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn bà B1 Ba trình bày: Vẫn giữ yêu cầu ly hôn, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn ông Q trình bày: Thống nhất ly hôn với bà Bé B, đồng ý giao hai con chung cho bà B1 Ba tiếp tục nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi hai con chung. Trường hợp sau này, bà B1 Ba không đảm bảo việc nuôi con thì giao lại cho ông nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56, 58, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà B1 Ba được ly hôn với ông Q, giao hai con chung là cháu Q1 và cháu P cho bà B1 Ba được trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: đề nghị không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: đề nghị không xem xét. Về án phí sơ thẩm: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Lâm Thị B1 Ba khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung đối với bị đơn ông Lê Văn Q nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”. Bị đơn ông Q có địa chỉ cư trú tại xã M, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà Lâm Thị Bé B và ông Lê Văn Q tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 147/2012, quyển số 01/2012, đăng ký ngày 08/10/2012 nên công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Theo Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, tôn trọng lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Bé B và ông Q đều thừa nhận mối quan hệ hôn nhân giữa ông bà đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm nhạt phai, vợ chồng không thể hàn gắn được với nhau. Bà Bé B khởi kiện ly hôn, ông Q đồng ý ly hôn. Xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa bà Bé B và ông Q đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bé B, cho bà B1 Ba được ly hôn với ông Q là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú.

- Về con chung: Bà Bé B và ông Q thống nhất vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Lê Hoàng Phi Q1, sinh ngày 05/11/2013 và Lê Hoàng Tấn P, sinh ngày 18/5/2016. Xét thấy, hiện hai con chung đang sống ổn định với bà Bé B, bà Bé B có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, cháu Q1 và cháu P cũng có nguyện vọng được sống với mẹ là bà Bé B khi ba mẹ ly hôn. Quá trình giải quyết

vụ án và tại phiên toà, ông Q cũng đồng ý để bà Bé B được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao hai con chung là cháu Q1 và cháu P cho bà B1 Ba được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà B1 Ba không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi hai con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung: Căn cứ vào 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy ông Q là người không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định.

Người được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung.

Quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Bé B và ông Q thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà Bé Ba là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị B1 Ba:

- Về hôn nhân: Cho bà Lâm Thị B1 Ba được ly hôn với ông Lê Văn Q.

Giấy chứng nhận kết hôn số 147/2012, quyển số 01/2012, đăng ký ngày 08/10/2012 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Lâm Thị Bé B và ông Lê Văn Q không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao hai con chung là cháu Lê Hoàng Phi Q1, sinh ngày 05/11/2013 và Lê Hoàng Tấn P, sinh ngày 18/5/2016 cho bà Lâm Thị B1 Ba trực tiếp nuôi dưỡng, hiện cháu Q1 và cháu P đang sống với bà Bé B.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét, giải quyết.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật: Ông Lê Văn Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

Người được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung.

Quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Bà Lâm Thị B1 Ba phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số: 0009157 ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú nên bà Bé Ba K phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát ND tỉnh AG;
- Viện kiểm sát ND H. Châu Phú;
- Chi cục THA DS H. Châu Phú;
- UBND xã Mỹ Phú;
- Đương sự;
- Lưu VP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Dương Thùy Dung